

Số: 1350 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 13 tháng 9 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
đưa thông tin về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, ven biển, hải đảo  
trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2014**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt danh sách đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi địa bàn chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Công văn số 2172/BTTTT-KHTC ngày 29/7/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở năm 2014;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 65/TTr-STTTT ngày 10/9/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, vùng sâu, vùng xa, ven biển, hải đảo năm 2014 (kèm theo Kế hoạch số 22/KH-STTTT ngày 10/9/2013 của Sở Thông tin và Truyền thông).

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ TT&TT);
- PCT Nguyễn Tiến Hải;
- LĐVP UBND tỉnh (H.Hùng);
- Công TTĐT, Công báo;
- CVVX(T);
- Lưu: VT, Mi33/9.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tiến Hải**

## KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
Đưa thông tin về cơ sở vùng sâu, vùng xa, ven biển, hải đảo năm 2014.**

### I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Quyết định số 2331/QĐ-TTg ngày 20/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2011;

Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 01/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2011 – 2015;

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 – 2015;

Công văn số 3724/BTTTT-KHHC ngày 28/12/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 – 2015;

Quyết định số 620/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt danh sách đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi địa bàn chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012 – 2015;

Công văn số 2172/BTTTT-KHHC ngày 29/7/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng kế hoạch chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở năm 2014.

### II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

#### 1. Khái quát điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế- xã hội

Tỉnh Cà Mau nằm ở cực Nam Tổ quốc; Phía bắc giáp tỉnh Kiên Giang, phía Đông Bắc giáp tỉnh Bạc Liêu, phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông. Chiều dài bờ biển 250 km. Trong đó 104 km bờ biển phía Tây (giáp Vịnh Thái Lan) và 145 km bờ biển phía Đông; Diện tích đất liền 5.294,87 km<sup>2</sup>. Trong đó đất lâm nghiệp là 114.164 ha, diện tích đất sản xuất nông nghiệp 147.936 ha.

Là tỉnh đồng bằng, Cà Mau có hệ thống sông ngòi chằng chịt. Đường thủy và phương tiện giao thông đường thủy giữ vị trí quan trọng và phổ biến (nhất là ở vùng nông thôn). Đường bộ, đường thủy từ tỉnh lỵ đến huyện lỵ trung bình từ 40- 50 km, xa nhất là huyện Ngọc Hiển (70 km).

Cơ cấu sử dụng đất: Sản xuất nông nghiệp 27,94%, lâm nghiệp 21,56%, đất chuyên dùng 5,32%, đất ở 1,19%.

Dân số toàn tỉnh 1.219.128 người, trong đó có 2,5% đồng bào dân tộc Khmer và 1,5% người Hoa. Có 78,4% dân số sống ở vùng nông thôn; có 487.002 lao động trong lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản, chiếm 72,6% tổng số lao động đang làm việc. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được nâng lên, nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở các xã vùng sâu, vùng xa còn đông (chiếm 9,29% số hộ dân ở nông thôn).

Toàn tỉnh có 9 huyện, thành phố, 101 xã, phường, thị trấn và 949 ấp, khóm. Trong đó có 8 huyện, 82 xã, 9 thị trấn; có 795 ấp thuộc xã và 85 khóm thuộc thị trấn vùng sâu, vùng xa, ven biển, có đông người dân tộc Khmer; 20 xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135; 39 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, có đông người dân tộc thiểu số, được Tỉnh ủy phân công các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh phụ trách, phối hợp giúp đỡ phát triển toàn bộ về cơ sở hạ tầng, kinh tế- xã hội.

## **2. Thực trạng về thông tin và truyền thông cơ sở ở vùng sâu, vùng xa, ven biển**

Thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau khảo sát tình hình thực trạng cho thấy:

- Hiện nay tất cả các xã, thị trấn vùng sâu, vùng xa, ven biển thu được tín hiệu của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam (VTV1). Tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn có radio gần 20%, hộ có TV 90%. Toàn tỉnh hiện có hơn 15.000 hộ gia đình sử dụng truyền hình trả tiền (CATV, MyTV, PITV), nhưng phần lớn ở thành phố Cà Mau.

- Sóng điện thoại đã phủ đến các xã vùng sâu, vùng xa. Tỷ lệ người dân vùng nông thôn sử dụng điện thoại di động hơn 30%, tỷ lệ hộ dân có điện thoại cố định là 12,2%.

- Toàn tỉnh hiện có 42 bưu cục, 62 điểm Bưu điện – Văn hóa xã, nhưng vẫn còn 12 xã chưa có điểm bưu điện. Đường truyền internet đã về tới trung tâm xã, đến các trường phổ thông nhưng đại đa số người dân không có điều kiện sử dụng internet.

- Sóng phát thanh và truyền hình của Đài PTTH tỉnh (công suất 10 kW) phủ sóng được toàn bộ vùng sâu, vùng xa, ven biển. Hệ thống Đài Truyền thanh huyện, Đài truyền thanh xã được duy trì và phát huy tương đối hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền. Nhất là hệ thống truyền thanh không dây (phát sóng FM).

- Tất cả các huyện đều đã có Đài Truyền thanh phát sóng FM, công suất 200 – 500 W. Toàn tỉnh có 99/101 xã, phường, thị trấn có Đài truyền thanh;

79/85 xã vùng sâu, vùng xa có Đài truyền thanh (trong đó có 74 Đài truyền thanh không dây và 25 Đài truyền thanh hữu tuyến). Còn 02 đơn vị cấp xã chưa có Đài truyền thanh và 04 đài đã hư không sử dụng. Hệ thống truyền thanh cấp xã chỉ có một cán bộ không chuyên trách đảm nhiệm (thực hiện cả việc biên tập, đọc bản tin, trực phát sóng) nên chương trình chủ yếu là tiếp âm Đài TNVN, Đài Phát thanh tỉnh, Đài Truyền thanh huyện, nội dung thông báo cần thiết và sự chỉ đạo điều hành của UBND xã. Tuy nhiên, hiện nay đa số các Đài truyền thanh hữu tuyến đã cũ, xuống cấp trầm trọng. Việc lắp đặt hệ thống trụ cột- dây dẫn ở địa bàn sông nước Cà Mau rất khó thi công, tốn kém và mau hỏng. Việc xây đầu tư thiết bị truyền thanh không dây ở Cà Mau chi phí không cao hơn nhưng hiệu quả hơn rất nhiều so với hệ thống truyền thanh hữu tuyến.

- Việc tiếp cận các thông tin thông qua xuất bản phẩm và các ấn phẩm truyền thông ở nông thôn Cà Mau cũng còn hạn chế: Hiện nay cơ quan UBND xã có từ 4-5 đầu báo của trung ương, địa phương. Đa số các chi bộ có báo Cà Mau, báo Nhân Dân và tờ thông tin nội bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. Tuy nhiên có đến 49/85 xã, thị trấn ở vùng sâu, ven biển mà báo Nhân Dân chưa đến được trong ngày. Người dân tiếp cận sách, báo qua hệ thống thư viện, phòng đọc, tủ sách pháp luật, bưu điện văn hóa xã còn ít. Phần lớn các địa phương chưa có nhà Văn hóa xã.

- Về nguồn nhân lực: Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện còn thiếu cán bộ phụ trách và cán bộ chuyên môn về thông tin - truyền thông. Ở cấp xã cán bộ biên tập, phát ngôn, tuyên truyền viên, báo cáo viên thiếu và chưa được tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cơ bản và còn nhiều hạn chế. Cán bộ phụ trách đài truyền thanh, cán bộ phụ trách nhà văn hóa xã hiện hưởng phụ cấp không chuyên trách (1,25 hệ số lương cơ bản).

Từ thực tế trên, Sở Thông tin và Truyền thông (là chủ dự án) xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình đưa thông tin về cơ sở vùng sâu, vùng xa, ven biển của tỉnh Cà Mau 2014.

### **3. Sự cần thiết thực hiện Chương trình tại Cà Mau**

Vai trò của thông tin và truyền thông cơ sở đối với sự phát triển kinh tế-xã hội, an ninh- quốc phòng, quản lý, điều hành xã hội rất quan trọng. Tỉnh Cà Mau ở xa các trung tâm kinh tế - chính trị lớn của đất nước. Địa phương có những đặc thù về địa hình (sông nước), thuộc vùng sâu, vùng xa, ven biển, có đông đồng bào dân tộc. Đời sống kinh tế, văn hóa - xã hội của người dân nông thôn còn những khó khăn. Vì vậy, mà việc thông tin tuyên truyền đường lối chính sách, ý thức pháp luật, tiếp cận kiến thức khoa học kỹ thuật sản xuất, hưởng thụ các dịch vụ thông tin cho người dân còn nhiều hạn chế và khó khăn. Vì vậy việc thực hiện Chương trình đưa thông tin về cơ sở vùng sâu, vùng xa, ven biển của tỉnh Cà Mau nhằm phục vụ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao nhận thức của người dân và tiếp nhận thông tin kịp thời, đấu tranh với các luận điệu phản động, bài trừ tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng và công tác quản lý, điều hành xã hội là cần thiết.

### **III. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN**

#### **1. Mục tiêu**

- Tăng cường năng lực cán bộ truyền thông cơ sở 05 huyện và 10 xã (cán bộ đài truyền thanh, tuyên truyền viên, báo cáo viên, phát ngôn viên, cán bộ biên tập, biên soạn).

- Đầu tư, trang bị máy móc thiết bị hệ thống đài truyền thanh 10 xã.

- Tăng cường về nội dung, tần suất thông tin, hình thức - phương thức thông tin tuyên truyền; Sản xuất, phát hành các sản phẩm truyền thông (phát thanh, truyền thanh, truyền hình, sách, báo chí in, bản tin, tài liệu tuyên truyền...).

#### **2. Phạm vi và địa điểm triển khai**

Thực hiện 03 Dự án ở 10 xã vùng sâu, vùng xa, ven biển thuộc 05 huyện: U Minh, Đầm Dơi, Phú Tân, Năm Căn, Ngọc Hiển (được phân bổ tại Quyết định số 620/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

### **IV. NỘI DUNG, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

#### **1. Dự án 1: Tăng cường năng lực cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở**

##### **a) Mục tiêu cụ thể**

- Tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng cho 40 cán bộ, công chức phụ trách Đài truyền thanh của 10 xã kiến thức cơ bản về báo chí, ngôn ngữ phát thanh; các thể loại tin - bài, phỏng vấn, phóng sự, ghi nhanh, gương người tốt, việc tốt; Kiến thức cơ bản về kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng, vận hành - bảo quản trang thiết bị máy móc.

- Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho khóa đào tạo.

##### **b) Đối tượng và số lượng đào tạo, bồi dưỡng**

- Đối tượng: Cán bộ phụ trách, biên tập và cán bộ vận hành, bảo dưỡng, quản lý kỹ thuật truyền dẫn phát sóng Đài truyền thanh xã.

- Số lượng: 20 cán bộ phụ trách biên tập và 20 cán bộ vận hành, bảo dưỡng, quản lý kỹ thuật.

##### **c) Nội dung đào tạo**

- Kiến thức cơ bản về báo chí; Ngôn ngữ phát thanh; Các thể loại tin - bài, phỏng vấn, phóng sự, ghi nhanh, gương người tốt, việc tốt.

- Kiến thức cơ bản về kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng, vận hành - bảo quản trang thiết bị máy móc.

##### **d) Tổ chức thực hiện**

- Toàn bộ chương trình tổ chức 02 khóa học.

- Thời gian mở lớp:

+ Quý III/2014 mở lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản về báo chí (12 ngày):  
20 học viên;

+ Quý IV/2014 mở lớp tập huấn về quản lý vận hành, kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng (03 ngày): 20 học viên;

- Địa điểm mở các lớp học trên: Tại Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau.

**e) Dự kiến các cơ quan tham gia thực hiện dự án**

- Nguồn giảng viên, chuyên viên hướng dẫn: Cán bộ, giảng viên công tác tại Hội Nhà báo VN tỉnh Cà Mau, Đài PTTH Cà Mau; Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và một số giảng viên cơ hữu thuộc cơ quan, ban, ngành chức năng, hội - đoàn thể liên quan.

- Cơ sở đào tạo: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau (Đơn vị có đủ phương tiện kỹ thuật, thiết bị đảm bảo giảng dạy - học tập).

**f) Kinh phí thực hiện dự án 1 (vốn sự nghiệp): 258.800.000 đồng**

- Kinh phí tổ chức 02 lớp đào tạo: 108.800.000 đồng.

- Kinh phí mua sắm phương tiện phục vụ đào tạo, thực hành (01 camera, 01 máy ảnh, 01 máy chiếu, 01 màn chiếu) : 100.000.000 đồng.

- Kinh phí quản lý Dự án 1 (2013-2015): 150.000.000 đồng.

**2. Dự án 2: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở**

**a) Mục tiêu cụ thể**

- Nâng cấp, thay thế mới các thiết bị thu – phát sóng FM cho 10 Đài truyền thanh xã.

- Hỗ trợ phương tiện nghe – nhìn cho các hộ dân.

**b) Nội dung dự án**

- Lắp đặt, nâng cấp thiết bị thu - phát sóng FM thay thế cho 10 Đài truyền thanh xã (trong đó: 05 đài truyền thanh vô tuyến đã đầu tư từ năm 2007 đến nay đã xuống cấp; 01 đài truyền thanh vô tuyến bị hư hỏng hoàn toàn, 02 đài truyền thanh hữu tuyến).

- Quy mô thiết bị: Trang bị máy phát sóng FM 100W, tần số 54 - 68 MHZ. Lắp dựng ăng - ten cao 21m. Trang bị bộ thu tín hiệu và thiết bị phụ trợ hoàn chỉnh.

+ Quy mô xây lắp: Gồm cột ăng-ten 21m, phòng máy, phòng thu.

+ Quy mô thiết bị: Máy phát sóng FM và thiết bị phụ trợ.

+ Cài tạo, nâng cấp: Máy phát sóng FM, Diopol, dây fider, thiết bị sản xuất chương trình.

+ Nơi thực hiện dự án là tại 10 xã theo Quyết định 620/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Hỗ trợ phương tiện nghe - nhìn: Mỗi ấp cấp 50 radio cho 50 hộ dân.  
Tổng số 2.500 radio/2.500 hộ dân.

**c) Kinh phí thực hiện dự án 2 (vốn đầu tư): 4.550.000.000 đồng**

- Lắp đặt, nâng cấp thiết bị thu phát sóng FM thay thế cho 10 Đài truyền thanh xã: 400.000.000đ x 10 đài: 4.000.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ radio: 200.000đ x 2.500 hộ dân: 500.000.000 đồng.

- Kinh phí quản lý chương trình: 50.000.000 đồng.

**3. Dự án 3: Tăng cường nội dung thông tin và truyền thông về cơ sở vùng sâu, vùng xa, ven biển**

**a) Mục tiêu cụ thể:**

- Sản xuất chương trình truyền hình, phát hành báo, tin, bài hỗ trợ cho các xã.

- Phụ cấp biên tập, trực tiếp phát sóng, đào tạo tập huấn.

- Hỗ trợ máy tính, đường truyền internet cho 10 xã.

**b) Nội dung của dự án**

- Sản xuất, biên tập, phát sóng chương trình tự làm và phát lại, tiếp âm (trong đó có chương trình tiếng dân tộc).

- Hỗ trợ biên tập xuất bản, in, phát hành tài liệu; đặt mua sách, báo chuyên đề, pháp luật và các ấn phẩm truyền thông phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (bản tin Khuyến nông, bản tin Khuyến công, bản tin Khoa học phục vụ sản xuất; bản tin Tư pháp, bản tin Y tế, báo Nông nghiệp VN, báo Nông thôn ngày nay, Báo Cà Mau, Báo ảnh Đất mũi (song ngữ Khmer-Việt)... Phát hành đến tất cả 113 trụ sở văn hóa ấp, xóm vùng sâu vùng xa, ven biển, vùng đồng bào dân tộc.

- Hỗ trợ phụ cấp cho 02 người (gồm 01 biên tập, đọc tin và 01 người vận hành, trực phát sóng: mức lương tối thiểu 1,0 (Riêng cán bộ phụ trách trạm truyền thanh hiện nay đã được hưởng phụ cấp theo Nghị quyết 116/2007/HĐND Hội đồng nhân tỉnh Cà Mau).

- Quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả của Chương trình.

**c) Kinh phí thực hiện dự án 3 (vốn sự nghiệp): 2.434.080.000 đồng**

- Sản xuất 96 chương trình truyền hình, mỗi chương trình 15 phút, tổng thời lượng 1.440 phút (tiếng Việt và tiếng Khmer); hỗ trợ 5.000.000đ/chương trình: 480.000.000 đồng.

- Phát hành 576 số báo chí, tờ tin, tài liệu cho tất cả các 113 ấp, xóm. Số bản: 65.088 bản x 5.000đ/tài liệu: 325.440.000 đồng.

- Sáng tạo tác phẩm, in ấn phẩm chuyên đề phát hành đến 113 ấp: mỗi quý 1 ấn phẩm, tổng số 12 đầu sách (1.356 bản x 40.000đ): 54.240.000 đồng.

- Phụ cấp biên tập, trực phát sóng Đài truyền thanh xã: 1.150.000 đ x 2 người x 10 xã: 23.000.000 đồng.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý chương trình Dự án (cho cán bộ cấp tỉnh): 5.000.000đ/năm/10 người: 50.000.000 đồng.

- Thông tin điện tử phục vụ vùng sâu:

+ Hỗ trợ 123 bộ máy vi tính; nối mạng internet phục công tác thông tin, biên tập và người dân: 10.000.000đ x 10 đài và 113 áp: 1.230.000.000 đồng.

- Cước phí viễn thông: 150.000 đ/tháng x 123 máy: 221.400.000 đồng.

+ Kinh phí quản lý phí, giám sát chương trình dự án 3: 50.000.000 đồng.

## **V. ĐÁNH GIÁ VỀ TÍNH KHẢ THI**

Đây là chương trình mục tiêu quốc gia, phù hợp với điều kiện thực tế và tiến trình phát triển của địa phương, được sự đồng thuận của các ngành, các cấp và của nhân dân. Dem lại nhiều lợi ích kinh tế, quyền lợi chính trị, văn hóa xã hội cho người dân vùng nông thôn.

## **VI. VỀ TÍNH HIỆU QUẢ**

1. Khi triển khai các Dự án sẽ phát huy hiệu quả tích cực.

2. Địa phương có điều kiện và khả năng tổ chức quản lý tốt Chương trình. Có khả năng khai thác hữu hiệu các phương tiện máy móc, cơ sở vật chất kỹ thuật đã đầu tư.

3. Người dân vùng sâu, vùng xa, ven biển sẽ được thụ hưởng các sản phẩm truyền thông truyền thông và hiện đại. Giảm dần khoảng cách về đời sống kinh tế, văn hóa tinh thần giữa nông thôn với thành thị.

## **VII. TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Phân theo cấp ngân sách**

Tổng số: 7.242.880.000 đồng (Trung ương: 5.794.304.000 đồng; Địa phương: ) 1.448.576.000 đồng

### **2. Phân theo nguồn vốn**

Tổng số: 7.242.880.000 đồng.

- Vốn đầu tư: 4.550.000.000 đồng (Trung ương: 3.640.000.000 đồng; Địa phương: 910.000.000 đồng).

- Kinh phí sự nghiệp: 2.692.880.000 đồng (Trung ương: 2.154.304.000 đồng; Địa phương: 538.576.000 đồng).

## **VIII. QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Sở Thông tin và Truyền thông:**

Chủ trì, triển khai thực hiện đúng nội dung và tiến độ kế hoạch đề ra sau khi được Trung ương phân bổ kinh phí.

Trong quá trình thực hiện, có điểm nào chưa phù hợp hoặc phát sinh, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ xin ý kiến Ủy ban nhân tỉnh Cà Mau, Bộ Thông tin và Truyền thông điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.



**2. Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các đơn vị có liên quan phối hợp để thực hiện tốt kế hoạch này như sau:**

**2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông ưu tiên cân đối nguồn vốn đối ứng bố trí cho việc triển khai thực hiện kế hoạch này.

**2.2. Sở Tài chính**

Đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí đối ứng và cấp đủ kinh phí cho triển khai thực hiện kế hoạch này trên địa bàn tỉnh. Bố trí vốn sự nghiệp năm 2014 cho thực hiện kế hoạch này.

**2.3. Ngành văn hóa, thể thao và du lịch; ngành phát thanh - truyền hình; ban, ngành, hội đoàn thể liên quan; Ủy ban nhân dân 05 huyện và 10 xã theo Quyết định 620/QĐ-BTTTT ngày 31/5/2013**

Xây dựng nhiệm vụ, cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông; Phối hợp thực hiện khi có yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông.

**IX. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ**

Với đặc thù về địa hình sông nước, việc lắp đặt đường dây truyền thanh hữu tuyến ở Cà Mau gặp nhiều trở ngại, tốn kém và mau hư hỏng, khó quản lý. Tỉnh Cà Mau kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông đầu tư đồng bộ, thay thế thiết bị phát sóng FM cho các Đài truyền thanh hữu tuyến cấp xã. Đầu tư, thay mới, nâng cấp thiết bị các Đài Truyền thanh huyện hiện đã xuống cấp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Đưa thông tin về cơ sở vùng sâu, biên giới, ven biển, hải đảo năm 2014. Trong quá trình thực hiện, thực tế có điểm nào chưa phù hợp hoặc phát sinh, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau sẽ xin ý kiến Ủy ban nhân dân Cà Mau, Bộ Thông tin và Truyền thông điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. *[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

- Bộ TTTT;
- Vụ KHTC;
- UBND tỉnh;
- Lưu VP, KHTC.

**GIÁM ĐỐC**



**Võ Quốc Việt**

**ĐỀ XUẤT VỐN, MỤC TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG ĐƯA THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ NĂM 2014**  
(Ban hành kèm theo Văn bản số 22.../KH-STTT ngày 10 tháng 9 năm 2013 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Nội dung	Đề xuất mục tiêu và kinh phí thực hiện Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở năm 2014													Ghi chú	
		Mục tiêu		Kinh phí (ngàn đồng)		Nguồn SNTW hỗ trợ (ngàn đồng)		Nguồn NSDP bố trí (ngàn đồng)		Nguồn huy động (ngàn đồng)						
		Đơn vị tính	Số lượng	Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		Tổng số	Gồm		
					ĐT	SN		ĐT	SN		ĐT	SN		ĐT		SN
I	Dự án I: Tăng cường năng lực cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở			258.800	258.800	207.040	207.040	51.760	51.760							
1	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ thông tin và truyền thông cơ sở	Người	40	108.800	108.800	87.040	87.040	21.760	21.760							
2	Mua sắm phương tiện phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, thực hành	Thiết bị	4	100.000	100.000	80.000	80.000	20.000	20.000							
3	Kinh phí quản lý Dự án 1 của Chương trình			50.000	50.000	40.000	40.000	10.000	10.000							
II	Dự án 2: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở			4.550.000	4.550.000	3.640.000	3.640.000	910.000	910.000							
1	Nâng cấp đài truyền thanh xã	đài	10	4.000.000	4.000.000	3.200.000	3.200.000	800.000	800.000							
2	Hỗ trợ thiết bị thu và nghe – xem cho các hộ gia đình khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và	Hộ	2.500	500.000	500.000	400.000	400.000	100.000	100.000							



	hải đảo (radio)															
3	Kinh phí quản lý Dự án 2 của Chương trình			50.000	50.000		40.000	40.000		10.000	10.000					
III	<b>Dự án 3: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở</b>			<b>2.434.080</b>		<b>2.434.080</b>	<b>1.947.264</b>		<b>1.947.264</b>	<b>486.816</b>		<b>486.816</b>				
1	Sản xuất chương trình truyền hình phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	Chương trình truyền hình	96	480.000		480.000	384.000		384.000	96.000		96.000				
		Thời lượng sản xuất (phút)	1.440													
2	Sản xuất ấn phẩm truyền thông phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	Ấn phẩm	65.088	325.440		325.440	260.352		260.352	65.088		65.088				
3	Xuất bản phẩm phục vụ khu vực miền núi, biên giới, hải đảo và đồng bào dân tộc	Đầu sách xuất bản	4	54.240		54.240	43.392		43.392	10.848		10.848				
		Bản in	1.356													
4	Thông tin điện tử phục vụ nông thôn, miền núi, hải đảo	Dự án thực hiện (máy vi tính)	123	1.230.000		1.230.000	984.000		984.000	246.000		246.000				
5	Cước truy cập			221.400		221.400	177.120		177.120	44.280		44.280				
6	Đào tạo bồi dưỡng kiến thức quản lý chương trình cho cán bộ thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cán bộ	10	50.000		50.000	40.000		40.000	10.000		10.000				

7	Phụ cấp biên tập, trực phát sóng dài, xã		23.000		23.000	18.400		18.400	4.600		4.600				
8	Kinh phí quản lý Dự án 3 của chương trình		50.000		50.000	40.000		40.000	10.000		10.000				
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>7.242.880</b>	<b>4.550.000</b>	<b>2.692.880</b>	<b>5.794.304</b>	<b>3.640.000</b>	<b>2.154.304</b>	<b>1.448.576</b>	<b>910.000</b>	<b>538.576</b>				

